

KẾ HOẠCH
Chăm sóc giáo dục trẻ 3-4 tuổi năm học 2024 - 2025

Căn cứ Kế hoạch số 06 /CM-MNHHD ngày 06 tháng 09 năm 2024 của chuyên môn trường MN Hoa Hướng Dương về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2024 - 2025;

Căn cứ vào Kế hoạch số 07/TMC-MNHHD ngày 7 tháng 9 năm 2024 về việc thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ của tổ Mầm Chồi năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình thực tế của lớp;

Lớp Mầm 2 xây dựng Kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2024 - 2025 với những mục tiêu, nội dung như sau:

MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển thể chất		
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.		
MT1	Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none">* Hô hấp: Hít vào, thở ra* Tay:<ul style="list-style-type: none">- Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên.- Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.* Lưng, bụng, lườn:<ul style="list-style-type: none">- Cúi phía trước.- Quay sang trái, sang phải.- Nghiêng người sang trái, sang phải.* Chân:<ul style="list-style-type: none">- Bước chân lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ- Co duỗi chân.
b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
MT2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	<ul style="list-style-type: none">- Đi trong đường hẹp.- Đi kiễng gót.- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.- Đi thay đổi hướng theo đường đích

		đắc
MT3	Kiểm soát được vận động chạy.	- Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường đích đắc.
MT4	Phối hợp tay- mắt trong vận động tung – bắt bóng.	- Tung bắt bóng với cô: bắt bóng được 3 lần liên không làm rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập bắt bóng được 3 lần liên. - Lăn bóng bằng 2 tay với cô - Chuyển và bắt bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc.
MT5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném.	- Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném trúng đích ngang xa 1,5m.
MT6	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò.	- Bò chui qua cổng. - Bò theo hướng thẳng. - Bò theo đường đích đắc
MT7	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật-nhảy.	- Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25cm
MT8	Phối hợp tay- mắt trong vận động trườn.	- Trườn về phía trước - Trườn theo đường đích đắc. - Trườn theo hướng thẳng. - Bước lên xuống bậc cao (cao 30 cm)
MT9	Thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đắc. - Lăn, tung bắt bóng với cô. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.		
MT10	Gập, đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.	- Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.
MT11	Xoay tròn cổ tay.	- Vo, xoắn, xoáy, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nôi... - Xé dán giấy.
MT12	Xếp chồng các hình khối khác nhau.	- Xếp chồng các khối hình khác nhau - Xếp theo khả năng của trẻ.

MT13	Tự cài, cởi cúc.	- Cài, cởi cúc, kéo khóa, mặc áo, cởi áo.
2. Dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.		
MT14	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc.	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật, tranh ảnh như: Thịt, cá trứng, sữa, rau....
MT15	Biết tên một số món ăn hằng ngày.	- Biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, cá kho, canh rau...
MT16	Biết ăn để chóng lớn khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Trẻ ăn hết khẩu phần ăn của mình. - Trẻ ăn nhiều món ăn khác nhau khi ở nhà, khi ở trên trường.
MT17	Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật.	- Giáo dục cho trẻ không uống nước lã ảnh hưởng đến sức khỏe (đau bụng, ỉa chảy). Uống nước đã đun sôi để nguội... - Không ăn các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi/chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, rau quả khi chưa rửa sạch... - Giáo dục trẻ không nên ăn quá nhiều bánh kẹo, nước uống có ga.
b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.		
MT18	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng.	- Trẻ biết cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm đổ cơm và thức ăn ra ngoài. - Tư thế ngồi thoải mái.
MT19	Làm quen với cách đánh răng, lau mặt.	Thực hiện được với sự giúp đỡ của người lớn: - Tự chải răng, rửa mặt, súc miệng. - Gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần.
MT20	Tập rửa tay bằng xà phòng.	- Biết rửa tay theo quy trình 6 bước. - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Rửa gọn: Không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần. - Rửa sạch: tay sạch, không có mùi xà phòng.
MT21	Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Biết đi vệ sinh đúng phòng (nam, nữ).
c. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.		

MT22	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Biết mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. - Đi ngủ đúng giờ.
MT23	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.		
MT24	Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm.	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm như: Ổ điện, bếp đang đun, phích nước nóng...khi được nhắc nhở.
MT25	Biết tránh nơi nguy hiểm	Biết tránh nơi nguy hiểm như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố sâu... khi được nhắc nhở
MT26	Biết tránh một số hành động nguy hiểm.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không xem ti vi ở khoảng cách quá gần.
MT27	Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Nghỉ học phải xin phép cô, hỏi ý kiến cô giáo khi đi với người khác.
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		
a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng.		
MT28	Quan tâm, hứng thú đến các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới). - Hay hỏi về những thay đổi mới xung quanh khi được quan sát và đặt câu hỏi? Cái này để làm gì? Tại sao?, Vì sao?....”
MT29	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu các đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát khám phá: Như cầm, nắm, ngửi, sờ, nhìn... - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây,

	bật của các đối tượng.	<p>hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại của con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một vài đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi....
MT30	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Quan sát so sánh các loại nước pha màu, muối đường hòa tan trong nước,...
MT31	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết được một số thông tin khi được quan sát qua tranh ảnh, sách, chuyện như: bức tranh này có con thỏ rất dễ thương, trong cuốn sách có rất nhiều bông hoa đẹp.....
MT32	Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu nổi bật.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng, đồ chơi.
b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.		
MT33	Nhận ra một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”,...
MT34	Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ gọi tên đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông... - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 phương tiện giao thông,...
MT35	Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên, hoa, quả con vật, cây cối gần gũi xung quanh. - Biết được đặc điểm chung của 2 con

		<p>vật, cây cối,...theo 1-2 dấu hiệu nổi bật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự giống nhau và khác nhau của cây, con vật, hoa, quả. - Giáo dục trẻ cách chăm sóc và bảo vệ.
MT36	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên một số loại đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật đồ dùng, đồ chơi. - Công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
MT37	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết ban ngày: Trời sáng. - Trẻ biết ban đêm: Trời tối. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
MT38	Lợi ích của nước với đời sống của con người, con vật, cây.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - So sánh 2-3 nguồn nước. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. (Nước không màu, không mùi – nước có màu có mùi,) - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Nước có lợi ích đối với đời sống con người, con vật, cây.
c. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.		
MT39	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả đối tượng, được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. - Chơi đóng vai bắt chước các hành động của những người gần gũi như: chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh....
MT40	Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết dấu hiệu của các mùa trong năm và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người. - Biết Tây Nguyên có 2 mùa rõ rệt và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người.
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.		
a. Nhận biết số đếm, số lượng.		
MT41	Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm số lượng theo khả năng trẻ. - Đếm trên các ngón tay, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng trong

	biểu thị số lượng.	phạm vi 5.
MT42	Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng của trẻ. Một và nhiều.
MT43	So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5. (Theo khả năng của trẻ) - Nói được nhóm nào có số lượng nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau.
MT44	Biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.
MT45	Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm. (Ví dụ: nhóm có 3 bông hoa và 2 bông hoa vv..)
b. Sắp xếp theo quy tắc.		
MT46	Xếp tương ứng.	Xếp tương ứng 1.1, ghép đôi.
MT47	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp theo quy tắc 1-1,2-2...(theo mẫu). - So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ.
c. So sánh 2 đối tượng.		
MT48	So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau
d. Nhận biết hình dạng.		
MT49	Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Trẻ nhận biết phân biệt hình (hình vuông, chữ nhật, tròn và tam giác.)
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.		
MT50	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân như: Nhận Biết phía trên-phía dưới, phía trước phía sau, tay phải, tay trái của bản thân.
3. Khám phá xã hội		
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.		
MT51	Nói tên bố mẹ các thành viên trong gia đình và địa chỉ gia	- Trẻ nói được tên bố mẹ các thành viên trong gia đình, nói được ai là

	đình mình.	người sinh ra bố mẹ, sinh ra các con. - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình.
MT52	Nói tên trường, lớp, cô giáo và một số công việc của cô giáo khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói được tên lớp, tên cô và một số công việc của cô giáo và (các cô bác ở trường).
MT53	Nói tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	- Trẻ nói tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi, các hoạt động ở trường khi được hỏi, trò chuyện. - Biết giữ gìn và bảo vệ đồ dùng, đồ chơi.
MT54	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Các giác quan trên cơ thể.	- Trẻ nhớ tên, nhận biết các đặc điểm trên cơ thể như (đầu: “có tóc, tai, miệng,...” mình, chân,...) - Chức năng của các giác quan. - Nhận xét sự giống và khác nhau giữa bạn trai và bạn gái....
b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.		
MT55	Kể tên và nói được sản phẩm một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	- Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống (nghề nông - nghề xây dựng, hoặc nghề dạy học - Bác sĩ,...) khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh. Sản phẩm của nghề đó; Công cụ để làm nghề đó.
c. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.		
MT56	Kể tên một số lễ hội qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày Quốc Khánh 2/9, 5/9 (ngày hội đến trường). (Ngày nhà giáo Việt Nam: 20/11, 8/3, 30/4, 1/6....)
MT57	Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, một vài đặc điểm nổi bật danh lam thắng cảnh ở địa phương...
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói - Sử dụng lời nói để giao tiếp – Làm quen với việc đọc		
a. Nghe hiểu lời nói.		
MT58	Thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo 1-2 yêu cầu. - Khi đến lớp giáo viên yêu cầu trẻ thực hiện chỉ dẫn và trẻ thực hiện được (ví dụ: Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ, cất balô lên giá, cởi giày và vào lớp chơi cùng các bạn khác).
MT59	Hiểu nghĩa của các từ gần gũi	- Trẻ biết sử dụng các từ có nghĩa đơn

		<p>giản, gân gũi như: quần áo, đồ chơi, hoa, quả</p> <p>- Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, tách (li/ chén) và chỉ vào các đồ vật đó, nói: “Đây là cái cốc, ca, tách (li/ chén....</p>
MT60	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	<p>- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại: ví dụ (cô vừa kể cho các con nghe câu chuyện gì? Kể tên các con vật trong chuyện cho cô? Hay trong tranh có con vật gì....?</p> <p>- Nghe các bài hát bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè phù hợp với độ tuổi</p>
b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.		
MT61	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	<p>- Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao hò vè.</p> <p>- Trẻ được tìm hiểu về nội dung bài thơ, ca dao, đồng dao hò vè.</p>
MT62	Kể lại một vài tình tiết của câu truyện đã được nghe.	<p>- Trẻ được nghe, hiểu về nội dung, tình tiết, nhân vật trong truyện phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Biết kể truyện đơn giản cùng cô.</p>
MT63	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	<p>-Trẻ biết thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp thể hiện tính cách nhân vật theo lời dẫn truyện của giáo viên.</p> <p>- Thể hiện được các vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề...</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>
MT64	Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.	Trẻ đóng kịch theo khả năng của trẻ hay sự giúp đỡ của cô.
MT65	Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại câu chuyện ngắn dựa vào trí nhớ hoặc qua truyện đã được cô giáo, bố mẹ kể hoặc đọc cho trẻ nghe với đầy đủ yêu tố (nhân vật, lời nói của các nhân vật, thời gian, địa điểm và diễn biến theo đúng trình tự nội dung

		của câu chuyện. Lời kể rõ ràng thể hiện qua cảm xúc, lời kể và cử chỉ, nét mặt.
MT66	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa... trong giao tiếp. - Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp - Biết chào hỏi, mời cô, mời bạn...
MT67	Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Phát âm đúng và rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được. - Sử dụng lời nói dễ dàng, thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp
c. Làm quen với việc đọc – viết.		
MT68	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống như: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo...
MT69	Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên các nhân vật trong tranh.	- Biết gọi tên các nhân vật trong tranh theo khả năng của trẻ.
MT70	Cầm sách đúng chiều mở sách, xem tranh và đọc truyện.	- Biết cách mở, xem tranh, cầm sách đúng chiều mở lật sách và kể truyện theo tranh theo khả năng của trẻ.
MT71	Giữ gìn sách	- Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)
MT72	Trẻ nói rõ các tiếng.	+ Phát âm các tiếng của tiếng Việt + Nói đầy đủ câu, không nói lắp, không nói ngọng. + Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.
MT73	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giữ sách xem tranh.	+ Tiếp xúc với chữ, sách truyện. + Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI.		

1. Phát triển tình cảm		
a. Thể hiện ý thức về bản thân.		
MT74	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Trẻ biết giới thiệu về bản thân như: Họ và tên trẻ, tuổi, giới tính.
MT75	Nói được điều bé thích, không thích.	- Nói được những điều bé thích hay không thích. - Cô chia sẻ với trẻ về những sở thích đó.
b. Thể hiện sự tự tin, tự lực.		
MT76	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi khi được hỏi. - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.(chia giấy, vẽ, xếp đồ chơi...).
c. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
MT77	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ giọng nói.	- Trẻ nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác : Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh.
MT78	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động.	- Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ - Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động.
MT79	Kính yêu Bác Hồ	- Xem tranh ảnh Bác Hồ. - Thể hiện qua bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ. - Trò chuyện về Bác.
2. Phát triển kỹ năng xã hội		
a. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.		
MT80	Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình.	- Biết thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình và cộng đồng như: để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường... - Biết giúp đỡ cô giáo, ông bà, bố mẹ, bạn bè. - Tôn trọng, yêu thương người lớn và

		các em nhỏ, biết nhường em.
MT81	Biết chào hỏi, nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi khi được nhắc nhở	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép với người lớn - Phân biệt được tốt, xấu; đúng, sai
MT82	Chờ đến lượt	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. - Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT83	Chơi hòa thân với bạn.	- Không đánh bạn, không giành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ. Yêu mến bạn, an ủi, dỗ dành bạn,... - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn
MT84	Chú ý nghe khi cô nói, bạn nói.	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép
MT85	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Biết chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ - Có ý thức chờ đợi đến lượt mình không chen lấn trong các hoạt động cũng như trò chơi. - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn, giúp đỡ bạn trong hoạt động cùng nhóm
MT86	Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh.
b. Quan tâm đến môi trường.		
MT87	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Thích quan sát, thích được bảo vệ, chăm sóc cây trồng, vật nuôi (không bê cảnh, ngắt hoa,.. bón phân, nhổ cỏ, tưới nước, nhặt lá vàng, cho các con vật ăn (gà, vịt,..) - Yêu thương chăm sóc con vật gần gũi - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối
MT88	Bỏ rác đúng nơi quy định	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn và bảo vệ môi trường: Không vứt rác bừa bãi, - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài

		đường.
MT89	Tiết kiệm điện, nước	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng.
V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.		
MT90	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	- Vui sướng, vỗ tay, nói lời cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. (như màu sắc, hình dáng...)
MT91	Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Trẻ nghe và cảm nhận, thể hiện được nhịp điệu bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, nghe kể câu chuyện... - Nhận ra các loại nhạc như: (nhạc thiếu nhi, dân ca, quốc tế,...) tục ngữ, ca dao, hò, vè...
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc, hoạt động tạo hình.		
MT92	Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Trẻ lắng nghe và tỏ ra thích thú khi nghe những giai điệu dân ca, nhạc thiếu nhi. - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát dân ca, thiếu nhi.
MT93	Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát - Trẻ cảm nhận được nội dung của bài hát
MT94	Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc. (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa...).
MT95	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Biết sử dụng 1 số dụng cụ âm nhạc như kèn, trống, sắc xô, gõ...biết tên gọi 1 số dụng cụ đó.
MT96	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên sẵn có để tạo ra sản phẩm.
MT97	Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng các kĩ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng/đường nét. (Theo mẫu)

		- Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, cây, nhà, đồ vật, đồ chơi, con vật, vẽ mưa.
MT98	Xé dán giấy theo dải, xé vụn tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng các kĩ năng xé để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn, - Xé hình vuông, tam giác, hình chữ nhật, hình tròn, theo sự giúp đỡ của cô giáo... - Dán đúng vị trí với sự giúp đỡ của cô giáo
MT99	Sử dụng kỹ năng cắt.	- Cắt vụn giấy. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm.
MT100	Lăn dọc, xoay, ấn bẹt, bẻ, dát nặn thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm . - Nặn bánh, hình tròn, hình vuông, nặn quả nho....
MT101	Nhận xét sản phẩm tạo hình	- Biết đưa ra nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của bạn khác.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.		
MT102	Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. - Vận động sáng tạo, theo ý thích khi hát, khi nghe bản nhạc quen thuộc.
MT103	Tạo ra sản phẩm theo ý thích	- Sử dụng các kỹ năng để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục theo ý thích của trẻ.
MT104	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo khả năng của trẻ, theo sự gợi ý của cô.

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	CHỦ ĐỀ		TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường Mầm Non (4 tuần)	1. Ngày hội đến trường của bé	1	9/9 đến 13/9/2024
		2. Trường MN của bé - Tết trung thu	2	16/9 đến 20/9/2024 (sự kiện TT ngày 17)
		3. Lớp học của bé	3	23/9 đến 27/09/2024
		4. Đồ dùng, đồ chơi của lớp	4	30/9 đến 4/10/2024
2	Bản Thân (3 tuần)	1. Tôi là ai	5	7/10 đến 11/10/2024
		2. Cơ thể tôi	6	14/10 đến 18/10/2024
		3. Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh (Ngày phụ nữ việt nam)	7	21/10 đến 25/10/2024
3	Gia Đình (4 tuần)	1. Gia đình bé	8	28/10 đến 1/11/2024
		2. Họ hàng của gia đình bé	9	4/11 đến 8/11/2024
		3. Đồ dùng trong gia đình bé	10	11/11 đến 15/11/2024
		4. Nhu cầu của gia đình (Ngày hội của các thầy cô giáo)	11	18/11 đến 22/11/2024
4	Nghề Nghiệp (4 tuần)	1. Nghề xây dựng	12	25/11 đến 29/11/2024
		2. Nghề sản xuất	13	2/12 đến 6/12/2024
		3. Nghề dịch vụ	14	9/12 đến 13/12/2024
		4. Nghề truyền thống ở địa phương (Lồng ghép ngày 22/12)	15	16/12 đến 20/12/2024
5	Thế giới động vật (4 tuần)	1. Động vật nuôi trong gia đình	16	23/12 đến 27/12/2024
		2. Động vật sống dưới nước	17	30/12 đến 3/01/2025 (Tết dương lịch)
		3. Động vật sống trong rừng	18	6/1 đến 10/1/2025
		4. Chim và côn trùng	19	13/01 đến 17/01/2025
6	Thế	1. Tết nguyên đán	20	20/1 đến 24/01/2025

	giới thực vật (4 tuần)	Dự kiến nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 27/1/2025 đến ngày 4/2/2025		
		2. Một số loại rau	21	5/2 đến 7/02/2025
		3. Một số loại hoa -quả	22	10/02 đến 14/02/2025
		4. Cây xanh và môi trường sống	23	17/2 đến 21/02/2025
7	Một số PTGT-LLGT (4 tuần)	1. Phương tiện giao thông đường bộ.	24	24/2 đến 28/2/2025
		2. PTGT Đường sắt (Lồng ghép 8/3)	25	3/3 đến 7/03/2025
		3. PTGT Đường thủy-Đường hàng không	26	10/3 đến 14/3/2025
		4. Luật lệ giao thông	27	17/3 đến 21/3/2025
8	Nước - HTTN (4 tuần)	1. Một số hiện tượng tự nhiên	28	24/3 đến 28/03/2025
		2. Sự kì diệu của nước	29	31/3 đến 4/4/2025
		3. Các mùa trong năm	30	7/04 đến 11/4/2025
		4. Mùa hè của bé	31	14/4 đến 18 /4/2025
9	QHĐN BH – Tết thiếu nhi (4 tuần)	1. Quê hương của bé	32	21/4 đến 25/4/2025
		2. Đất nước Việt Nam diệu kỳ	33	28/4 đến 2/5/2025
		3. Bác Hồ kính yêu	34	5/5 đến 9/5/2025
		4. Vui tết thiếu nhi 1.6	35	12/5 đến 16/5/2025

Trên đây là Kế hoạch chăm sóc giáo dục của lớp Mầm 2 năm học 2024 - 2025. Kính đề nghị BGH nhà trường xem xét, phê duyệt để lớp Mầm 2 tiến hành thực hiện đạt hiệu quả./.

BAN GIÁM HIỆU PHÊ DUYỆT



Bùi Thị Thu Hằng

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Nguyễn Thị Kim Chi- Nguyễn Thị Bích Vân